Số: 3251/UBND-KT; 18/11/2026; 8:26:41 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:91 /2026/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày* 30 *tháng* 10 *năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 43/2024/QH15; Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 130/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14, Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp, tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 281/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 311/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 921/TTr-SNNMT ngày 18/9/2026; thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 348/BC-STP ngày 14/9/2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại đất, bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Căn cứ xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

Tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm được xác định theo khoản 2 Điều 7 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 4. Các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi làm suy giảm chất lượng đất

1. Đối với hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác:

a) Trường hợp không có tính khả thi trong việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là trường hợp không thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc các biện pháp khác để khôi phục lại tầng đất canh tác như tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm;

b) Mức độ khôi phục đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản này là buộc khôi phục lại tầng đất canh tác đảm bảo đủ độ dày để canh tác.

2. Đối với hành vi làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng:

a) Trường hợp không có tính khả thi trong việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là trường hợp không thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc các biện pháp khác để loại bỏ, bóc tách các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng để đưa diện tích đất vi phạm trở lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm;

b) Mức độ khôi phục đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản này là buộc loại bỏ, bóc tách các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác ra khỏi diện tích đất vi phạm và thực hiện cải tạo đất đảm bảo đất có khả năng tiếp tục sử dụng để sản xuất nông nghiệp.

3. Đối với hành vi gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất đã được xác định:

a) Trường hợp không có tính khả thi trong việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là trường hợp không thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc các biện pháp khác để khôi phục lại chất lượng, tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm;

b) Mức độ khôi phục đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản này là buộc thực hiện các biện pháp để xử lý tình trạng xói mòn, rửa trôi và cải tạo lại đất đảm bảo đủ chất lượng để sản xuất nông nghiệp.

Điều 5. Các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi làm biến dạng địa hình

1. Đối với hành vi làm thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất:

a) Trường hợp không có tính khả thi trong việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là trường hợp không thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc các biện pháp khác để hoàn trả, khôi phục độ dốc, độ cao bề mặt đất như tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm;

b) Mức độ khôi phục đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản này là buộc san lấp điều chỉnh lại độ dốc bề mặt đất, độ cao thửa đất hoặc san gạt bề mặt đất để khôi phục lại bề mặt đất tương đương với tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

2. Đối với hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi):

a) Trường hợp không có tính khả thi trong khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là trường hợp không thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc các biện pháp khác để đưa diện tích đất vi phạm trở lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm;

b) Mức độ khôi phục đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản này là buộc nạo vét trả lại hiện trạng mặt nước chuyên dùng đến khi có khả năng sử dụng theo mục đích đã được xác định.

3. Đối với hành vi san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận):

a) Trường hợp không có tính khả thi trong việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là trường hợp không thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc các biện pháp khác để đưa bề mặt của diện tích đất vi phạm trở lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm;

b) Mức độ khôi phục đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản này là buộc đào, nạo vét hạ thấp bề mặt hoặc san lấp, đắp nâng cao bề mặt đất để khôi phục bề mặt đất tương đương với trạng thái ban đầu của đất trước khi vi phạm hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Việc xác định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Quyết định này do người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính căn cứ biên bản vi phạm hành chính và kết quả xác định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp kịp thời thông tin, hồ sơ liên quan đến tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; phối hợp với cơ quan trình xử phạt vi phạm hành chính để xác định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất; kiểm tra, hướng dẫn bằng văn bản cho đối tượng quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quyết định này khắc phục vi phạm.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai tổ chức thực hiện Quyết định này.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Thanh tra, Thuế thành phố và các cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

b) Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Hành vi hủy hoại đất xảy ra trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì áp dụng như sau:

1. Trường hợp đã lập biên bản và đã có quyết định xử phạt nhưng chưa thực hiện xong quyết định xử phạt thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã ban hành;

2. Trường hợp đã lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại đất mà chưa ban hành quyết định xử phạt vi phạm thì xử lý như sau:

a) Trường hợp còn thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định thì ban hành quyết định xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp Quyết định này không quy định trách

nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng theo Quyết định này.

b) Trường hợp hết thời hiệu, thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định thì phải ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp Quyết định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng theo Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- VP Chính phủ;
- Bộ NN&MT - Vụ Pháp chế;
- Bộ Tư pháp - Cục KTVB&TDTHPL;
- TT TU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP HP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công báo thành phố;
- Báo và phát thanh, truyền hình HP;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, NNMT, B.M.Đức.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Anh Quân